

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 03 thủ tục hành chính; danh mục 11 thành phần hồ sơ phải số hóa của 03 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-BKHĐT ngày 26/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 03 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (*có Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục 11 thành phần hồ sơ phải số hoá của 03 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (*có Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (nếu có). **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

c) Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

d) Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

## 2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- VPCP (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ KH&ĐT; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng THVX-VPUBND tỉnh; (đ/c Hoài)
- Lưu: VT, THCBKSNhung.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**  
**TRONG LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP**  
**VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT DOANH NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  | Cách thức thực hiện |          |
|----|--|----------------------|---|---|---|---------------------|----------|
|    |  |                      |   |   |   | Tại BP MC           | DV BC CI |
| 1  | Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ  | 03 ngày làm việc     | 1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư)<br>2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công Quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a> ) | - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000đ;<br>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000đ/lần (được miễn phí nếu nộp trực tuyến) | - Luật Doanh nghiệp năm 2020;<br>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;<br>- Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp | X                   | X        |
| 2  | Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên                            | 03 ngày làm việc     |   |   |   | X                   | X        |
| 3  | Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi | 03 ngày làm việc     |   |   |   | X                   | X        |

## PHỤ LỤC II

**DANH MỤC 11 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP CỦA 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT DOANH NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

| STT      | TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA  |
|----------|--|
| <b>I</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI: 03 thủ tục</b>   |
| <b>1</b> | <b>Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>   |
|          | 1.1 Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp <i>(theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ)</i>  |
|          | 1.2 Quyết định chuyển đổi (của cơ quan đại diện chủ sở hữu)  |
|          | 1.3 Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp  |
|          | 1.4 Bản sao các giấy tờ sau đây:<br>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại Quyết định chuyển đổi;<br>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Quyết định chuyển đổi;<br>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; giấy chứng nhận đăng ký thuế của công ty nhà nước.     |
| <b>2</b> | <b>Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</b>   |
|          | 2.1 Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp <i>(theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2024/NĐ-CP)</i> .   |
|          | 2.2 Quyết định chuyển đổi (của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ)   |
|          | 2.3 Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp   |
|          | 2.4 - Bản sao các giấy tờ sau đây:<br>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại Quyết định chuyển đổi;<br>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại Quyết định chuyển đổi;<br>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; giấy chứng nhận đăng ký thuế của công ty con chưa chuyển đổi. |

| STT      | TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA  |
|----------|--|
| <b>3</b> | <b>Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi</b>  |
|          | 3.1 Thông báo về việc đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ký (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ).  |
|          | 3.2 Quyết định chuyển đổi, trong đó bao gồm thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được đăng ký lại theo quy định   |
|          | 3.3 - Bản sao các giấy tờ sau đây:<br>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;<br>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.<br>Trường hợp nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, doanh nghiệp nộp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thay cho loại giấy tờ này;<br>+ Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi. |